

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày 22-8-2025

V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Phi Hùng

Ông Trịnh Chí Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2025/QĐXX-ST ngày 03 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Lê Thị Út E; Sinh năm 1986

Địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Nay là ấp 5, xã TL, tỉnh Cà Mau.

-Bị đơn: Ông Trần Thanh T; Sinh năm 1983

Địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Nay là ấp 5, xã TL, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 06/6/2025 của bà Lê Thị Út E trình bày:*

Bà Út E và ông T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 11/10/2019. Thời gian chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong lối sống, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Vì vậy, bà Út E yêu cầu ly hôn với ông T.

Thời gian chung sống bà Út Em và ông T có con chung tên Trần Sỹ B, sinh ngày 12/8/2005 (giới tính nam). Do con chung đã trưởng thành, tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên bà Út E không yêu cầu giải quyết.

**Tại phiên tòa ông Trần Thanh T trình bày:*

Ông T thống nhất với phần trình bày của bà Út E tại đơn khởi kiện ngày 06/6/2025. Ông T và bà Út E tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005 đến ngày 11/10/2019 ông bà đăng ký kết hôn theo quy định. Do ông bà chung sống không hạnh phúc nên không còn chung sống với nhau từ năm 2024 đến nay. Vì vậy ông T thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà Út E. Con chung đã trưởng thành nên theo ai người đó nuôi dạy, tài sản chung ông T và bà Út E đã tự thỏa thuận xong, nợ chung không có nên ông T không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lê Thị Út E khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Thanh T. Do ông bà chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông T có địa chỉ cư trú tại ấp 5, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay là ấp 5, xã TL, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Út Em thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, bà Út E có yêu cầu xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Út E theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Út Em và ông T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay là Ủy ban nhân dân xã TL, tỉnh Cà Mau vào ngày 11/10/2019. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông bà đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên bà Út Em yêu cầu ly hôn với ông T. Xét thấy, quá

trình giải quyết vụ án, Tòa án có tổ chức hòa giải để ông bà có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do bà Út E và ông T vắng mặt tại phiên hòa giải. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho bà Lê Thị Út E và ông Trần Thanh T được ly hôn.

[4] Thời gian chung sống bà Út E và ông T có con chung tên Trần Sỹ B, sinh ngày 12/8/2005 (giới tính nam). Xét thấy con chung đã trưởng thành nên bà Út E và ông T không yêu cầu giải quyết là phù hợp. Vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Út E và ông T xác định thời gian chung sống ông bà có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, nợ chung không có nên ông bà không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Út E phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Út E và ông Trần Thanh T được ly hôn.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Út E phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 06 tháng 6 năm 2025 bà Út E có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0022438 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Phi Hùng – Trịnh Chí Linh

Nguyễn Kiều Trang